

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-PT

Ngày 17/6/2025

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thanh Giang**.

Các thẩm phán: Ông **Bùi Thế Hưng** và bà **Phạm Thị Mai Hoa**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Bích Thủy** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 09/2025/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2025/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Đ, thôn Q, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh **Hoàng Văn K**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Đ, thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

3. *Người kháng cáo:* Anh **Hoàng Văn K** - Bị đơn.

(Chị **Bùi Thị T**, anh **Hoàng Văn K** đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Hoàng Văn K được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 20/3/2004. Theo chị T trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và trong làm ăn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã nhau. Sau đó anh K tự nấu cơm ăn riêng từ năm 2013 đến năm 2019, chị động viên thì anh K quay về ăn cùng gia đình nhưng đến năm 2020 anh K lại tiếp tục ăn riêng cho đến nay còn tại sao anh K lại ăn riêng thì chị không biết. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh K không nghe nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 9/2023, vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh K xác định sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì lớn nhưng đến ngày 05/9/2023 chị T tự ý bỏ nhà đi cho đến nay. Việc chị T nói vợ chồng ăn riêng và xảy ra đánh cãi chửi nhau là không đúng, vợ chồng vẫn ăn chung, tuy nhiên do anh làm nghề lái xe về muộn nên anh tự nấu ăn. Từ khi chị T bỏ đi thì anh không gọi điện thoại cũng như không tìm chị T về, anh chị đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ về tình cảm và kinh tế từ tháng 9/2023 đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị đề nghị được ly hôn với anh K, còn anh K sẽ trao đổi với gia đình và với chị T rồi sẽ có quan điểm sau.

Về con chung: Chị T và anh K đều xác định có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Thùy D, sinh năm 2005 và cháu Hoàng Thành Đ, sinh ngày 13/02/2013. Cháu D đã trưởng thành nên anh, chị không đề nghị giải quyết. Khi ly hôn chị T và anh K tôn trọng nguyện vọng của cháu Đ. Nếu cháu ở với anh K thì chị T cũng đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng. Nếu cháu Đ ở với chị thì chị tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, cháu Hoàng Thành Đ trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở với bố. Nguyện vọng của cháu là tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Tại biên bản xác minh tại UBND xã K xác định: Anh K và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 30/3/2004 tại UBND xã K. Sau

khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2003 đến nay. Mâu thuẫn cụ thể giữa chị T và anh K thì địa phương không nắm rõ vì chị T và anh K không báo chính quyền hòa giải. Nay chị T có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh K trình bày: Sau khi chị T làm đơn xin ly hôn, anh đã khuyên giải nhiều lần nhưng chị T không đồng ý nên việc ly hôn tùy chị T quyết định. Anh nhất trí nuôi dưỡng cháu Đ nhưng xác định đây là trách nhiệm chung của cả anh và chị T, không thể tính toán cụ thể bao nhiêu tiền để yêu cầu chị T cấp dưỡng cho phù hợp nên anh không ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2025/HNGĐ-ST ngày 18/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương đã quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Thành Đ, sinh ngày 13/02/2013 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh K số tiền 1.000.000đ/tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 3/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 26/3/2025, anh Hoàng Văn K kháng cáo không đồng ý ly hôn, trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn anh K xác định cuộc sống vợ chồng không tránh khỏi có lúc mâu thuẫn, anh mong muốn anh chị chia sẻ, thông cảm vì con để xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc. Bản thân anh không bỏ vợ

còn chị T vẫn kiên quyết thì đề nghị HĐXX xem xét lại bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân.

Bị đơn chị T trình bày mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có biện pháp đã hàn gắn tình cảm, thực tế anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nên không thể quay lại đoàn tụ được.

Đối với mức cấp dưỡng, chị T và anh K thống nhất thỏa thuận chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh K là 2.000.000 đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Hoàng Văn K, sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo hướng. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T ly hôn anh Hoàng Văn K. Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên anh K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của anh K trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xem xét nội dung kháng cáo của anh K, HĐXX xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Hoàng Văn K được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 20/3/2004, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm khiến anh chị xảy ra tranh cãi. Do cuộc sống không có hạnh phúc nên chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 9/2023, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Anh K không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng thông cảm, chia sẻ để đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung. Nhưng xuyên suốt quá trình Tòa án nhân dân huyện Kim Thành thụ lý, giải quyết vụ án đến ngày xét xử phúc thẩm, anh cũng không tìm gặp chị T để hàn gắn tình cảm cũng như không

có biện pháp tích cực nào để cải thiện quan hệ vợ chồng. Thực tế anh chị vẫn sống ly thân, không quan tâm, chia sẻ và liên lạc với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Bùi Thị T ly hôn anh Hoàng Văn K là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định của Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”. Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung Hoàng Thành Đ, sinh ngày 13/02/2013 cho anh K chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Anh K kháng cáo cho rằng mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng theo quyết định của bản án sơ thẩm là không phù hợp với chi phí thực tế và yêu cầu chị T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh 3.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân tối cao quy định: “*Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*”. Căn cứ Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định về mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thì mức lương tối thiểu vùng tại huyện K là 4.410.00 đồng/tháng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận sự tự nguyện của chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh K 1.000.000 đồng/1 tháng là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, chị T và anh K thống nhất thỏa thuận việc chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh K là 2.000.000 đồng/1 tháng. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Do vậy cần chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị. Hội đồng xét xử sẽ sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự.

Từ phân tích trên, HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của anh K, sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2025/HNGĐ-ST ngày 18/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự đối với phần cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên anh K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị, không được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Hoàng Văn K. Sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2025/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương về mức cấp dưỡng nuôi con, cụ thể như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Thành Đ, sinh ngày 13/02/2013 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc cấp dưỡng: Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh K số tiền 2.000.000đ/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 3/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ khi anh K có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị T không thi hành, thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.

3. Về án phí phúc thẩm: Anh Hoàng Văn K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả anh K số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai số 0006662 ngày 26/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

4. Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Kim Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Giang